

TỈNH ỦY HÀ TĨNH
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TRẦN PHÚ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

KẾT QUẢ THI HẾT PHẦN HỌC: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ LỊCH SỬ
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM; ĐƯỜNG LỐI CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
VỀ CÁC LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH K173 (MỞ TẠI TRƯỜNG CT TRẦN PHÚ)

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Những VĐCB về ĐCS và lịch sử ĐCS VN	Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội	
1	Bùi Đức	Ái	01	7,0	7,5	
2	Hoàng Việt	Bắc	03	7,0	7,5	
3	Nguyễn Huy	Bình	04	Vắng thi	Vắng thi	
4	Trần Mạnh	Cường	05	7,0	7,5	
5	Phạm Văn	Cường	06	7,0	7,0	
6	Lê Viết	Cường	07	7,5	8,0	
7	Nguyễn Cự	Duẩn	08	7,25	7,5	
8	Hoàng Anh	Đức	09	8,5	7,5	
9	Võ Thị	Dung	10	8,0	8,0	
10	Hà Vũ Tuấn	Dũng	11	7,5	8,0	
11	Nguyễn Thị	Giang	12	7,25	8,0	
12	Trần Thị Trà	Giang	13	7,0	8,5	
13	Hoàng Đức	Giang	14	7,75	8,5	
14	Trần Hải	Hà	15	7,5	7,5	
15	Hoàng Tuấn	Hải	16	7,5	7,5	
16	Nguyễn Minh	Hải	17	7,25	8,0	
17	Nguyễn Bá	Hải	18	8,5	8,5	
18	Hoàng Thị	Hằng	20	8,0	7,5	
19	Bùi Đình	Hạnh	21	7,5	8,0	
20	Đình Thị	Hiền	22	8,0	8,0	
21	Nguyễn Thế	Hiệp	23	7,0	8,0	
22	Dương Thị Quỳnh	Hoa	24	7,5	8,0	
23	Nguyễn Huy	Hoàng	25	8,0	8,5	



TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Những VĐCB về ĐCS và lịch sử ĐCS VN	Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội	
24	Võ Quốc	Hoàng	26	7,5	7,5	
25	Hà Huy	Hoàng	27	7,0	8,5	
26	Phan Duy	Hồng	28	7,0	7,5	
27	Võ Minh	Huân	29	8,5	8,5	
28	Lê Thị Thanh	Huệ	30	8,0	7,5	
29	Nguyễn Đình	Hùng	31	7,75	7,5	
30	Nguyễn Quốc	Hùng	32	7,75	7,0	
31	Bùi Thị	Hường	33	7,0	7,0	
32	Trần Đức	Huy	34	7,5	8,0	
33	Nguyễn Thị	Huyền	35	7,5	7,5	
34	Nguyễn Văn	Kiên	36	7,5	7,0	
35	Nguyễn Chí	Kiên	37	7,5	7,5	
36	Hoàng Gia	Kỳ	38	7,0	7,0	
37	Lê Danh	Lam	39	7,5	7,5	
38	Nguyễn Xuân	Linh	40	7,5	7,0	
39	Đinh Thị Thùy	Linh	41	8,5	8,5	
40	Nguyễn Duy	Linh	42	7,0	7,0	
41	Lê Hồng	Lĩnh	43	7,5	8,0	
42	Nguyễn Thị Mai	Loan	44	7,5	7,5	
43	Trương Văn	Lộc	45	7,0	7,5	
44	Nguyễn Văn	Long	46	7,0	7,0	
45	Nguyễn Sỹ	Lương	47	7,0	7,0	
46	Trần Anh	Lương	48	7,0	7,5	
47	Nguyễn Thị Khánh	Ly	49	7,0	8,0	
48	Lê Hoài	Nam	50	7,5	7,5	
49	Nguyễn Duy	Nam	51	7,0	8,0	
50	Nguyễn Thị	Ngọc	52	8,0	7,5	
51	Thái Thị Kim	Nhung	53	8,0	7,5	
52	Trịnh Diệu	Oanh	54	8,0	8,0	
53	Nguyễn Văn	Quảng	55	7,5	7,5	

TT	Họ và tên		Số BD	Điểm		Ghi chú
				Những VĐCB về ĐCS và lịch sử ĐCS VN	Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội	
54	Nguyễn Thị	Quý	56	7,5	7,5	
55	Lâm Quốc	Sơn	57	8,5	8,5	
56	Cao Thiên	Sơn	58	8,5	8,5	
57	Lê Ngọc	Sơn	59	7,0	8,0	
58	Nguyễn Thị	Thanh	61	7,0	8,0	
59	Bá Chí	Thanh	62	7,0	8,0	
60	Phan Thê	Thao	63	7,0	8,0	
61	Lê Thị	Thảo	64	8,0	7,5	
62	Hoàng Trung	Thông	65	8,0	7,0	
63	Đặng Trung	Thông	66	7,5	7,0	
64	Phạm Văn	Thường	67	8,5	8,5	
65	Trần Thị	Thủy	68	8,0	7,0	
66	Lê Thị Hà	Tiên	69	Vắng thi	Vắng thi	
67	Trần Mạnh	Tiến	70	7,5	7,0	
68	Nguyễn Khánh	Toàn	71	7,75	6,0	
69	Nguyễn Hải	Triều	72	7,5	8,0	
70	Trương Quang	Tuấn	73	7,0	6,5	
71	Nguyễn Văn	Tuấn	74	7,0	7,0	
72	Trần Quốc	Tuấn	75	7,5	7,5	
73	Trần Đức	Tùng	76	8,5	8,0	
74	Nguyễn Thị	Vân	77	7,5	6,5	
75	Bùi Thê	Vinh	78	7,5	8,0	
76	Nguyễn Thành	Vinh	79	7,0	7,5	

Danh sách này gồm: 76 học viên

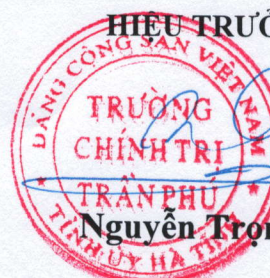
Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 7 năm 2022

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT VÀ NCKH

Bùi Thị Thủy

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh



HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG
CHÍNH TRỊ

TRẦN PHU

Nguyễn Trọng Tứ